

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 60/2026/HSST
Ngày: 22-4-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đình Thắng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tý và bà Lê Thị Nhỏ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Minh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Trung T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2001 tại Hà Tĩnh; nơi thường trú: Thôn G, xã L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H (chết) và bà Lê Thị L (sinh năm 1968).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 23/4/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng) xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 85/2024/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 26/6/2024.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 03/02/2026, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Em Nguyễn Kim Minh P, sinh ngày 03/7/2008. Đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Kim T1, sinh năm năm 1982 và bà Phạm Thị Mỹ H1; cùng nơi cư trú: Số E đường H, phường A, thành phố Đà Nẵng (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 14/6/2025, Nguyễn Kim Minh P (sinh ngày 03/7/2008, trú: Tổ H, phường A, thành phố Đà Nẵng) đến quán I địa chỉ G T, phường A, thành phố Đà Nẵng để chơi game và có để điện thoại di động Iphone 12 Pro màu đen, sạc pin tại máy tính số 41 không có người và đi sang máy khác cách khoảng 03 mét để ngồi chơi cùng bạn. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Trung T đến quán I chơi game. Tại đây, T nhìn thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu đen của em P đang cắm sạc pin tại vị trí máy tính T ngồi chơi game, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T lén rút dây sạc ra lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát. T đến quán C (không rõ địa chỉ) bán điện thoại vừa lấy được cho người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đang ngồi ở quán với số tiền 1.700.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Hiện tài sản không thu hồi được. Sau đó, em P kiểm tra thì phát hiện mất điện thoại nhưng không báo chủ quán Internet mà bỏ về. Đến ngày 15/7/2025, em P đến trình báo Công an phường A và cung cấp 02 đoạn video ghi lại sự việc trên.

Tang vật tạm giữ: 01 đĩa DVD ghi lại hành vi phạm tội của T.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 72/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố Đ, xác định giá trị: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu đen, 128GB có giá trị là: 8.833.000 đồng.

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 19/CT-VKS-KV3 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Trung T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị:

- + Tuyên bố bị cáo Trần Trung T phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- + Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù.
- + Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên Viện kiểm sát không đề cập đến.
- + Về xử lý vật chứng: 01 (một) đĩa DVD chứa 02 đoạn video liên quan đến vụ án là tài liệu chứng cứ nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Trung T nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Trung T đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/6/2025, tại quán I số G đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của em Nguyễn Kim Minh P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu đen trị giá 8.833.000đ (*tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

[3] Hành vi trên đây của bị cáo Trần Trung T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số: 19/CT-VKS-KV3 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] *Xét tính chất vụ án và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết nhưng vì bản chất lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo đã một lần bị xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục cố ý thực hiện tội phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "tái phạm" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà bị cáo phải chịu theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52

của Bộ luật Hình sự. Do đó, xét thấy đối với bị cáo cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] *Tuy nhiên, xét về nhân thân và tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về xử lý vật chứng:* 01 (một) đĩa DVD chứa 02 đoạn video liên quan đến vụ án là tài liệu, chứng cứ được lưu giữ theo hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] *Về án phí:* Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đồng
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Trung T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2026.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 22/4/2026. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng ;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- CQTHAHS Công an TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 - CATP Đà Nẵng;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đình Thắng

